

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NĂM 2021
TỈNH LÂM ĐỒNG

1. Giới thiệu POBI 2021

2. Kết quả khảo sát POBI 2021 tỉnh Lâm Đồng

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2021			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2021)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 59	04/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 15	XẾP HẠNG 14
ĐIỂM XẾP HẠNG 37,75	02 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 50	ĐIỂM XẾP HẠNG 62,5
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI CHƯA ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2021, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2021 cho thấy tỉnh Lâm Đồng đã công bố **CHƯA ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Lâm Đồng đạt **37,75** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **59** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2021, **giảm 23 hạng** so với kết quả chấm POBI 2020.

Kết quả chấm POBI 2021 tỉnh Lâm Đồng phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy đổi¹	Điểm POBI 2021 quy đổi

¹ Đã tính trọng số

A. Trụ cột sự tham gia	300	4,23
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	500	7,04
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2021	2680	37,75
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	66	0,93
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	716	10,08
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2021	0	0,00
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021	0	0,00
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2021	0	0,00
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021	0	0,00
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1398	19,69
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2022	100	1,41
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc 2022	0	0,00
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	400	5,63
2. Tính kịp thời	200	2,82
3. Tính thuận tiện	300	4,23
4. Tính đầy đủ	1116	15,72
5. Tính tin cậy	398	5,61
6. Tính liên tục	266	3,75

Kết quả khảo sát POBI 2021 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Lâm Đồng, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Thư mục công khai ngân sách: Trang TTĐT của Sở Tài chính tỉnh có thư mục riêng về công khai ngân sách. Nội dung thư mục có nội dung cập nhật và có thể lọc tài liệu theo từng năm, từng loại. Tuy nhiên, vẫn còn tài liệu chưa được phân vào thư mục, hoặc được phân vào nhầm thư mục, có thể dẫn đến sai sót nếu tìm kiếm bằng bộ lọc.
- Định dạng của tài liệu: Trên website của Sở Tài chính tỉnh có 03/03 loại tài liệu được chấm điểm về định dạng. Các tài liệu được công khai bằng định dạng pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang dạng word/excel, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Danh mục dự án Đầu tư công 2022.
- Trên website của HĐND tỉnh có thư mục riêng về công khai tài liệu kỳ họp HĐND.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng đã công khai 04/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt; Danh mục dự án Đầu tư công 2022 và Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019 hoặc 2020.
- 07 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1 năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng đầu năm 2021; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2021; Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2021 hoặc năm 2022 và Báo cáo ngân sách công dân năm 2022 (cho Dự thảo hoặc dự toán đã được phê duyệt).

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số 02 tài liệu ngân sách được công khai, có 02 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 02 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh 12/13 biểu theo hướng dẫn của Thông tư 343, thiếu biểu số 57. Báo cáo được công khai bằng file pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Mục thu nội địa của Biểu 48/CK-NSNN kèm theo Quyết định số 2992/QĐ-UBND có 16 khoản thu, thiếu dòng 17- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác và dòng 18- Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2020 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ Biểu số 62 đến Biểu số 68) theo quy định của Thông tư 343. Báo cáo được công khai bằng file pdf dạng scan, không thuận tiện chuyển sang định dạng word/excel. Biểu quyết toán cân đối ngân sách (Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ 06 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo có phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế, tuy nhiên khoản thu phí lệ phí không chi tiết theo tỉnh, huyện (Biểu số 63/CK-NSNN). Biểu số 65/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 03 mục lớn và các mục nhỏ. Báo cáo đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 37,1%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 của tỉnh là 4,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là 7,4%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của

tính là 9,2%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2020 của tỉnh là 8,2%.

- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2020 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 10,09% (tăng 10,09%). Thay đổi này là phù hợp. Quyết toán chi thường xuyên cho y tế và dân số tăng so với dự toán chi thường xuyên cho y tế trong khi quyết toán tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh giảm so với dự toán tổng chi thường xuyên (giảm 14,26%).
- Do tài liệu dự toán năm 2021 đã được HĐND tỉnh quyết định không được công khai nên không có dữ liệu để tính toán và so sánh mức thay đổi của dự toán tổng chi thường xuyên, chi thường xuyên cho y tế và dân số và chi thường xuyên hàng năm cho giáo dục và đào tạo.

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh trình HĐND tỉnh chỉ được công khai liên tục trong 2 năm 2020 và 2021.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh đã được HĐND tỉnh phê duyệt được công khai liên tục trong 3 năm 2019, 2020 và 2022.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2018, 2019 và 2020) được công khai trong ba năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích (các câu từ 14.1 đến 14.5)

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm (02/05 tài liệu): Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022 của tỉnh và Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2022-2024.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm (03/05 tài liệu): Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh; Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2020 hoặc 2021 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021-2025.

Sự tham gia của người dân (các câu từ 2.1 đến 2.6)

- Trang TTĐT của Sở Tài chính có thư mục hỏi đáp, có email và có thể sử dụng được. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành gửi thư qua địa chỉ email được cung cấp trên

cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính vào 20/01/2022 và sau 30 ngày vẫn chưa nhận được phản hồi.

- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở tài chính tỉnh không thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh không có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh (Facebook, Zalo) để trao đổi với người dân.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh và báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2021.

Trách nhiệm giải trình (các câu từ 2.7 đến 2.13 và câu số 13)

- HĐND có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề nhưng không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh không công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách quyết toán ngân sách năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.
- Trên cổng thông tin điện tử của HĐND và cổng thông tin điện tử của Sở tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp (hoặc đường dây nóng).
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021 thì UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh không sử dụng các kênh truyền thông nào khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán ngân sách 2022 tới người dân.
- Trên web của UBND, HĐND, Sở Tài chính tỉnh có công khai kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2018, 2019, hoặc 2020.